

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 9 – 2020

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Minh Dẫn.

2/ Ông Hà Hùng Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 188/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Thạch Na R**; Sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 0 ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S (Ông R vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* **Bà Thạch Thị Đ**; Sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 0 ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S (Bà Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Thạch Na R trình bày:

Ông với bà Thạch Thị Đ kết hôn vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 04 tháng 5 năm 2010. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Đến giữa năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mạnh ai nấy sống, không còn chăm sóc và yêu thương nhau, không khí trong gia đình ngột ngạt và căng thẳng. Vì vậy, ông Thạch Na R quyết định ly hôn với bà Thạch Thị Đ.

Trong quá trình chung sống, ông R với bà Đ có một con chung tên Thạch Minh H, sinh ngày 05/10/2010. Hiện cháu đang sống với cha mẹ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay ông Thạch Na R yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Thạch Thị Đ.
- Về con chung: Ông R yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).
- Về tài sản chung: Ông R không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Ông R trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Thạch Thị Đ không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 188/TB-TLVA ngày 29 tháng 7 năm 2020, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Thạch Thị Đ nhưng bà Đ không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Na R. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bà Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Đ đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Thạch Na R ly hôn với bà Thạch Thị Đ. Về con chung: Giao con chung cho ông R trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Thạch Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông Thạch Na R và bà Thạch Thị Đ đều vắng mặt nhưng nguyên đơn ông Thạch Na R có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn bà Thạch Thị Đ mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông R và bà Đ.

[2] Về nội dung: Ông Thạch Na R và bà Thạch Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 04 tháng 5 năm 2010 nên quan hệ hôn nhân giữa ông R và bà Đ là hợp pháp.

[3] Xét lý do xin ly hôn của ông R, Hội đồng xét xử thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng ông R, bà Đ hạnh phúc cho đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Đến giữa năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mạnh ai nấy sống, không còn chăm sóc và yêu thương nhau, không khí trong gia đình ngột ngạt và căng thẳng. Hội đồng xét xử xét thấy ông R, bà Đ đã mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong thời gian dài, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông, bà trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông R.

[4] Về con chung: Cháu Thạch Minh H, sinh ngày 05/10/2010 đang sống cùng cha mẹ. Theo văn bản đề ngày 18/8/2020, cháu Minh H có nguyện vọng được sống với cha nếu cha và mẹ cháu ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Minh H cho ông R nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông R yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng. Xét yêu cầu của ông R, Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Mức cấp dưỡng...căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng”. Tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP ngày 03/10/2001 của Chính Phủ quy định “Nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng căn cứ vào mức sinh hoạt trung bình tại địa phương nơi người được cấp dưỡng cư trú, bao gồm các chi phí thông thường cần thiết về ăn, ở, mặc, học, khám chữa bệnh và các chi phí thông thường cần thiết khác để đảm bảo cuộc sống của người được cấp dưỡng”. Ngoài ra, theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Mức lương tối thiểu hiện tại do Nhà nước quy định là 1.490.000 đồng. Đối chiếu với các quy định của pháp

luật nêu trên thì mức cấp dưỡng mà ông R yêu cầu bà Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu Minh Huy 1.000.000 đồng/tháng là hoàn toàn phù hợp.

[6] Về tài sản chung: Ông R không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Ông R trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông R phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn và bà Đa chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Thạch Na R.
- Về hôn nhân: Ông Thạch Na R được quyền ly hôn với bà Thạch Thị Đ.
- Về con chung: Giao cháu Thạch Minh H, sinh ngày 05/10/2010 cho ông Thạch Na R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Thạch Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Thạch Thị Đ lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Thạch Na R có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Thạch Thị Đ. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc bà Thạch Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thạch Minh H mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), cấp dưỡng cho đến khi cháu Thạch Minh H đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 30 tháng 9 năm 2020. Ông Thạch Na R là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

- Về tài sản chung: Ông R không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Ông R trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Thạch Na R phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0002241 ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy, ông Thạch Na R đã nộp xong án phí. Bà Thạch Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S(P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã T, h T, tỉnh S;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân